

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học,
năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	30/30	Số m ² /học sinh
1	Phòng học kiên cố	30	m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	1	7495 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1	648 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	30	48 m ² /phòng
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	144 m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	144 m ²
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	1	40 m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	2	96 m ²
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	2	192 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	-
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	-
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1	40 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp



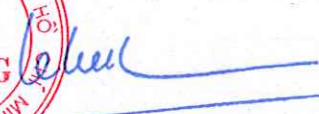
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	5	5 bộ/5 lớp
1.1	Khối lớp 1	6	6 bộ/6 lớp
1.2	Khối lớp 2	6	6 bộ/6 lớp
1.3	Khối lớp 3	6	6 bộ/6 lớp
1.4	Khối lớp 4	6	6 bộ/6 lớp
1.5	Khối lớp 5	6	6 bộ/6 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	-	-
2.2	Khối lớp 2	-	-
2.3	Khối lớp 3	-	-
2.4	Khối lớp 4	-	-
2.5	Khối lớp 5	-	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	70	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	-	
3	Đầu Video/đầu đĩa	-	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	14	
5	Thiết bị khác : Bảng có chân di động lớn	1	
6	Bảng có chân di động nhỏ	-	
7	Máy ép nhựa	1	
8	Đàn organ casio	26	
9	Kèn hiệu Yamaha	-	
	Nội dung	Số lượng(m ²)	
X	Nhà bếp	96 m ²	
XI	Nhà ăn	144 m ²	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ Diện tích bình quân/chỗ

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		308 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 6 tháng 9 năm 2023
 Thủ trưởng đơn vị


LÊ THỊ KIM LIỄU



